

Bình Đại, ngày 28 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 75/2017/TLST – DS ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: 1/ Ông Mai Văn Đ, sinh năm: 1929.

2/ Bà Mai Thị H, sinh năm: 1970.

3/ Ông Mai Văn L, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4/ Ông Mai Huỳnh S, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5/ Bà Mai Thị M, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: ấp M, xã X, huyện T, Thành phố X.

6/ Bà Mai Thị D, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Mai Văn Đ, ông Mai Huỳnh S:

Ông Mai Văn L, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Mai Văn Đ, bà Mai Thị H, bà Mai Thị M, bà Mai Thị Di, ông Mai Huỳnh S, bà Mai Thị H, ông Mai Văn L thống nhất phần đất thuộc thửa 174, 175 tờ bản đồ số 04 có diện tích 1.250m^2 tọa lạc tại xã ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1931. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (chết năm 2013). Theo số liệu chính quy thuộc 62 tờ bản đồ số 10 có diện tích $1.256,2\text{m}^2$ (Mục đích sử dụng: 300m^2 đất ở tại nông thôn và $956,2\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm). Tất cả các bên đương sự công nhận đây là di sản của bà Nguyễn Thị T, các đương sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như sau:

Bà Mai Thị H được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 62 diện tích $31,9\text{m}^2$, thửa 62-1 diện tích $294,9\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 10. Tổng cộng hai thửa đất có diện tích $326,8\text{m}^2$ (Mục đích sử dụng: 100m^2 đất ở tại nông thôn, $226,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (*Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*).

Ông Mai Văn Đ được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 62-2 diện tích $203,4\text{m}^2$; thửa 62-3 diện tích $191,7\text{m}^2$; thửa 62-4 diện tích $185,2\text{m}^2$; thửa 62-5 diện tích $179,2\text{m}^2$; thửa 62-6 diện tích $132,6\text{m}^2$; thửa 62-7 diện tích $33,7\text{m}^2$ cùng tờ bản đồ số 10. Tổng cộng sáu thửa đất có diện tích $925,8\text{m}^2$ (Mục đích sử dụng: 200m^2 đất ở tại nông thôn, $725,8\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (*Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*).

Bà Mai Thị H và ông Mai Văn Đ có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bà Mai Thị M, bà Mai Thị D, ông Mai Huỳnh S, bà Mai Thị H, ông Mai Văn L không yêu cầu chia di sản thừa kế nên ghi nhận.

- Về tài sản trên đất: Các bên đương sự không tranh chấp tài sản trên đất nên ghi nhận.

- Về chi phí tố tụng, đo đạc và định giá tài sản: Ông Mai Văn Đ tự nguyện chịu 3.620.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) do bà Mai Thị D nộp thay và đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Mai Văn Đ tự nguyện chịu: $2.017.732$ đồng (*Hai triệu không trăm mười bảy nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng*). $200\text{m}^2 \times 180.000 \text{ đồng/m}^2 + 725,8\text{m}^2 \times 61.600 \text{ đồng/m}^2 = 80.709.280 \text{ đồng} \times 2,5\% = 2.017.732 \text{ đồng}$. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Mai Văn Đ đã nộp $1.071.000$ đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005637 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Ông Mai Văn Đ tiếp tục nộp 946.732 đồng (*Chín trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng*).

Bà Mai Thị H tự nguyện chịu: 799.272 đồng (*Bảy trăm chín mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi hai đồng*). $100\text{m}^2 \times 180.000 \text{ đồng/m}^2 + 226.8\text{m}^2 \times 61.600 \text{ đồng/m}^2 = 31.970.880 \text{ đồng} \times 2.5\% = 799.272 \text{ đồng}$.

Hoàn trả lại cho bà Mai Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.071.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005639 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Thanh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.071.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005638 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Hoàn trả lại cho bà Mai Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.071.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005634 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Hoàn trả lại cho bà Mai Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.071.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005635 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Hoàn trả lại cho ông Mai Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.071.000 đồng (*Một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005639 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Phạm Quang Hải

